

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính
bãi bỏ trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Công bố thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 62/TTr-SKHĐT ngày 07 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 22 thủ tục hành chính mới, 30 thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ/hủy bỏ, hủy công khai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã và bãi bỏ Quyết định số

2355/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo nội dung được công bố tại Điều 1 Quyết định này trước ngày 18 tháng 6 năm 2021.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT TH - CB, P. HC - TC;
- Lưu: VT, KSTT, KI.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**DANH MỤC 22 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, 30 THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (22 TTHC)

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|---|--|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| 1 | Chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh 1.009642.000.00.00.H08 | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan đối với trường hợp chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại trường hợp 1 hoặc gửi báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm và hồ sơ đề lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư đối với trường hợp chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại trường hợp 2; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn | Có | - | - | Không | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Cấp tỉnh |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|---|---|--|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | | <p>và Đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình UBND cấp tỉnh;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nhà đầu tư.</p> | | | | | | | |
| 2 | <p>Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh</p> <p>1.009644.000.00.00.H08</p> | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng cấp có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 của Luật Đầu tư;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn</p> | Có | - | - | Không | <p>- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số</p> | Cấp tỉnh |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|---|---|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | | <p>nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 của Luật Đầu tư, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư;</p> | | | | | | 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | |
| 3 | <p>Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh</p> <p>1.009645.000.00.00.H08</p> | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến thực hiện dự án và các cơ quan có liên quan.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày</p> | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng,</p> | Có | - | - | Không | <p>- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày</p> | Cấp tỉnh |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|---|--|--|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | | <p>nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình UBND cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> | thành phố Quy Nhơn | | | | | 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch | |
| 4 | <p>Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p> <p>1.009646.000.00.00.H08</p> | <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, | Có | - | - | Không | <p>- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày</p> | Cấp tỉnh |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|------------|--|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|--|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | | <p>đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. | thành phố Quy Nhơn | | | | | <p>26/3/2021 của Chính phủ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch. | |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|---|--|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| 5 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh 1.009647.000.00.00.H08 | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc đối với trường hợp 1 hoặc 10 ngày đối với trường hợp 2 kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn | Có | - | - | Không | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch. | - |
| 6 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyên nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai | Có | - | - | Không | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ- | Cấp tỉnh |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|--|---|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| 7 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn | Có | - | - | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch. | Cấp tỉnh |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|--|---|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | | cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. | | | | | | | |
| 8 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh 1.009652.000.00.00.H08 | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn | Có | - | - | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch. | Cấp tỉnh |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|---|---|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | | đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. | | | | | | | |
| 9 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh 1.009653.000.00.00.H08 | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn | Có | - | - | Không | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ | Cấp tỉnh |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|--|--|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|--|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. | | | | | | Kế hoạch. | |
| 10 | <p>Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh</p> <p>1.009654.000.00.00.H08</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn | Có | - | - | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số | Cấp tỉnh |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|--|---|--|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | | <p>quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó;</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> | | | | | | 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch. | |
| 11 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm | - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai | Có | - | - | Không | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ- | Cấp tỉnh |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|--------------------------------|--|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|--|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | quyền chấp thuận của UBND tỉnh | những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; | Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn | | | | | CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch. | |
| | 1.009655.000.00.00.H08 | - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư. | | | | | | | |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|--|---|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|--|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| 12 | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) | <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn | Có | - | - | Không | <p>- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch.</p> | Cấp tỉnh |
| | 1.009656.000.00.00.H08 | | | | | | | | |
| 13 | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai | Có | - | - | Không | <p>- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;</p> <p>- Nghị định số 31/2021/NĐ-</p> | - |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|--|---|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | | <p>đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 44 Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét điều kiện gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư.</p> | | | | | | BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch. | |
| 15 | Ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận và thông báo việc ngừng hoạt động | Trung tâm Phục vụ hành | Có | - | - | Không | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 | - |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|--|--|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | | thông chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. | Nhon | | | | | - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch. | |
| 17 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư 1.009664.000.00.00.H08 | Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ khi dự án đáp ứng các điều kiện tại khoản 3 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn | Có | X | - | Không | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch. | - |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|--|--|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| 18 | Cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tinh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn | Có | - | X | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch. | - |
| | 1.009665.000.00.00.H08 | | | | | | | | |
| 19 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 | Trung tâm Phục vụ hành | Có | - | - | Không | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 | - |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|------------|--|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|--|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | | <p>định tại khoản 4 Điều 66 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Văn bản thông báo được gửi cho nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.</p> <p>- Trường hợp tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, thời hạn giải quyết như sau:</p> <p>+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 4 Điều 65 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;</p> <p>+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị</p> | Nhơn | | | | | - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch. | |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|------------|---|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|----------------|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | | <p>của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; quá thời hạn yêu cầu mà không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý việc đáp ứng điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Đầu tư, khoản 4 Điều 65 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và căn cứ ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để thông báo cho nhà đầu tư. Văn bản thông báo được gửi cho nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế</p> | | | | | | | |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|--|--|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| | | có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp. | | | | | | | |
| 21 | Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC 1.009731.000.00.00.H08 | - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tình, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn | Có | - | - | Không | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch. | - |

| STT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--|---|---|---|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------------------|---|-----------------|
| | Mã số TTHC | | | | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | | |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | | | | | |
| 22 | Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC 1.009736.000.00.00.H08 | <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành, nhà đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ thông báo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi đặt văn phòng điều hành. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tình, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn | Có | - | - | Không | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch. | - |
| Tổng cộng: 22 TTHC | | | | | | | | | |

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (30 TTHC)

| STT | Tên thủ tục hành chính | DVC trực tuyến | | Căn cứ pháp lý | Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh |
|--|---|----------------|----------|--|--|
| | Mã số TTHC | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | |
| Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | |
| 1 | Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | - | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001918.000.00.00.H08 | | | | |
| 2 | Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | - | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 1.004877.000.00.00.H08 | | | | |
| 3 | Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | - | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001910.000.00.00.H08 | | | | |
| 4 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | - | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001869.000.00.00.H08 | | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | DVC trực tuyến | | Căn cứ pháp lý | Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh |
|--|--|----------------|----------|--|--|
| | Mã số TTHC | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | |
| Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | X | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 1.004635.000.00.00.H08 | | | | |
| 6 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | - | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001853.000.00.00.H08 | | | | |
| 7 | Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | X | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001831.000.00.00.H08 | | | | |
| 8 | Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư) | X | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001696.000.00.00.H08 | | | | |
| 9 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân | - | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |

| STT | Tên thủ tục hành chính | DVC trực tuyến | | Căn cứ pháp lý | Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh |
|--|---|----------------|----------|--|--|
| | Mã số TTHC | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | |
| Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | |
| | dân cấp tỉnh | | | tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | |
| | 1.003940.000.00.00.H08 | | | | |
| 10 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ | - | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 1.003912.000.00.00.H08 | | | | |
| 11 | Chuyển nhượng dự án đầu tư | X | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 1.003811.000.00.00.H08 | | | | |
| 12 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế | X | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001581.000.00.00.H08 | | | | |
| 13 | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài | X | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 1.005361.000.00.00.H08 | | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | DVC trực tuyến | | Căn cứ pháp lý | Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh |
|--|---|----------------|----------|--|--|
| | Mã số TTHC | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | |
| Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | |
| 14 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | X | - | - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 1.003549.000.00.00.H08 | | | | |
| 15 | Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | X | - | - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001361.000.00.00.H08 | | | | |
| 16 | Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | - | - | Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001351.000.00.00.H08 | | | | |
| 17 | Giãn tiến độ đầu tư | X | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001318.000.00.00.H08 | | | | |
| 18 | Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư | - | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 1.003096.000.00.00.H08 | | | | |
| 19 | Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư | - | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001083.000.00.00.H08 | | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | DVC trực tuyến | | Căn cứ pháp lý | Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh |
|--|---|----------------|----------|--|--|
| | Mã số TTHC | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | |
| Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | |
| 20 | Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | X | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001056.000.00.00.H08 | | | | |
| 21 | Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | X | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001047.000.00.00.H08 | | | | |
| 22 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương | X | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 1.004569.000.00.00.H08 | | | | |
| 23 | Cung cấp thông tin về dự án đầu tư | X | - | Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001031.000.00.00.H08 | | | | |
| 24 | Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư | X | - | - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 1.002401.000.00.00.H08 | | | | |
| 25 | Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài | X | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.001018.000.00.00.H08 | | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | DVC trực tuyến | | Căn cứ pháp lý | Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh |
|--|--|----------------|----------|--|--|
| | Mã số TTHC | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | |
| Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | |
| | | | | và Đầu tư. | |
| 26 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương | - | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 1.001861.000.00.00.H08 | | | | |
| 27 | Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) | - | - | Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 2.000824.000.00.00.H08 | | | | |
| 28 | Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài | - | - | - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 22/11/2018 |
| | 1.001791.000.00.00.H08 | | | | |
| 29 | Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | - | - | - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày | Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 |
| | 1.008385.000.00.00.H08 | | | | |

| STT | Tên thủ tục hành chính | DVC trực tuyến | | Căn cứ pháp lý | Số Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh |
|--|---|----------------|----------|---|---|
| | Mã số TTHC | Mức độ 3 | Mức độ 4 | | |
| Thủ tục hành chính bãi bỏ theo Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư | | | | | |
| | | | | 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | |
| 30 | Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án sân gôn thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | - | - | - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 52/2020/NĐ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. | Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 |
| | 1.008384.000.00.00.H08 | | | | |
| | Tổng cộng: 30 TTHC | | | | |